

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 09/6/ 2021

*"V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Ông Nguyễn Đăng Khuê.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Đô

2. Ông Lương Văn Kế

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST - HNGĐ ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị D**, sinh năm 1997; HKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Quốc V**, sinh năm 1995; HKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu **Vũ Đức K**, sinh ngày 08/7/2019. Người đại diện theo pháp luật cho cháu K là chị **Ngô Thị D** và anh **Vũ Quốc V** là bố, mẹ đẻ của cháu.

4. Những người tham gia tố tụng khác:

- Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1966 (là mẹ đẻ chị D) “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Ông **Vũ Văn P**, sinh năm 1965 (là bố đẻ anh V). “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Ngô Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Quốc V, sinh năm 1995; HKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T ngày 23/6/2016 theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương. Sau khi cưới chị đã chuyển khẩu và về làm ăn sinh sống cùng với gia đình anh V. Anh, chị chung sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi cưới một thời gian ngắn thì anh V nói dối chị là lên Hà Nội làm ăn nhưng thực tế là anh đi chơi bời. Anh V không chăm lo cho gia đình, không chịu đi làm để phụ giúp chị nuôi con mà chỉ ham mê cờ bạc. Vợ chồng đi làm chỉ lo trả nợ cho anh V. Mặc dù chị đã khuyên nhủ, động viên anh V nhưng anh V không những không nghe mà còn nổi nóng rồi đánh chị. Dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự và làm tổn thương nhau, không nói chuyện, chia sẻ được với nhau. Sau nhiều lần như vậy đến tháng 01/2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Chị không chịu đựng được anh V nên đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Đ, xã C, huyện T với mục đích để anh V suy nghĩ và sửa chữa sai lầm, tu trí làm ăn. Sự việc mâu thuẫn của hai anh chị cũng đã được gia đình hai bên khuyên bảo mong vợ chồng chung sống để nuôi dạy con cái. Bản thân chị cũng đã rất cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng rạn nứt từ lâu, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung. Chị D xác định vợ chồng ly thân từ tháng 01/2020 cho tới nay, việc ai người đó làm không ai quan tâm tới ai, độc lập về kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, nếu có níu kéo cũng chỉ làm tổn thương cho nhau, hạnh phúc vợ chồng không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để chị sớm ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Chị xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Đức K, sinh ngày 08/7/2019. Hiện nay cháu còn nhỏ, từ trước tới nay vẫn do chị chăm sóc, nuôi dưỡng nên nay vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K đến khi cháu trưởng thành. Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- **Về tài sản chung:** Sau khi cưới vợ chồng chị vẫn ở chung với bố mẹ chồng nên không có tài sản gì. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức, công nợ, ruộng cấy không có: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Anh V thống nhất với chị D về thời điểm kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do sau khi cưới một thời gian anh có lên Hà Nội làm ăn, bị bạn bè rủ rê, lôi kéo nên anh đã xa vào tệ nạn cờ bạc, mang nợ về cho gia đình, cho vợ con. Khi mới xảy ra sự việc trên anh cũng rất hối hận anh đã xin chị D tha thứ, cho anh cơ hội sửa sai và được chị D chấp nhận. Gia đình hai bên và bản thân chị D cũng động viên chia sẻ, quan tâm giúp anh từ bỏ việc làm không tốt đó. Nhưng sau đó anh lại tiếp tục rơi vào việc lô đề, cờ bạc khiến cho chị D rất thất vọng, cộng thêm áp lực nợ nần của anh khiến chị D không còn nhẫn nhịn được nữa. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự và làm tổn thương nhau, không nói chuyện được với nhau. Đỉnh điểm đến tháng 01/2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Chị D đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn Đ, xã C, huyện T. Khi vợ chồng ly thân anh chị cũng được gia đình hai bên khuyên bảo mong vợ chồng chung sống để nuôi dạy con cái. Anh V xác định vẫn còn tình cảm với chị D, anh mong muốn một lần nữa có cơ hội để sửa chữa lỗi lầm của mình. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được đoàn tụ gia đình với chị D để nuôi dạy con cái. Nếu chị D vẫn cương quyết ly hôn với anh thì tùy chị D quyết định.

- **Về con chung:** Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Đức K, sinh ngày 08/7/2019. Hiện nay cháu K đang ở với chị D. Nếu vợ chồng ly hôn anh cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

- **Về tài sản chung:** Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình làm việc với Tòa án anh V ghi bản tự khai, có trình bày lời khai của mình trong các biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải...tuy nhiên sau mỗi buổi làm việc anh V được đọc lại các biên bản nói trên, anh V đồng ý với nội dung mình đã trình bày trong các biên bản. Anh V chỉ ký vào bản tự khai của mình, ngoài ra anh không ký vào biên bản làm việc nào khác.

Người làm chứng: Ông Vũ Văn P (bố đẻ anh V) và bà Bùi Thị H (mẹ đẻ chị D) đều xác định hôn nhân giữa chị D và anh V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh V không tu trí làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng không được. Trên thực tế, từ khi chị D và cháu K về nhà mẹ đẻ của chị làm ăn sinh sống anh V không quan tâm, thăm nom chăm sóc vợ con cũng như sửa chữa sai lầm như anh chị đã trình

bày. Đến nay, trước yêu cầu khởi kiện của chị D thì quan điểm của ông P cũng như của bà H đều tôn trọng ý kiến của anh V và chị D.

Xác minh tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh V, chị D có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H ngày 23/6/2016 theo quy định của pháp luật; Về tình trạng hôn nhân giữa anh V, chị D: UBND xã được biết quá trình chung sống vợ chồng anh V, chị D có nảy sinh mâu thuẫn, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01/2020, hiện anh chị đã sống ly thân. Nay chị Ngô Thị D có đơn xin ly hôn với anh Vũ Quốc V thì quan điểm của UBND xã H là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên toà hôm nay: Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh V. Chị có nguyện vọng được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản, công sức, nợ nần chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan hệ hôn nhân: Chị D xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn và kiên quyết xin ly hôn. Anh V đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để lấy lời khai cũng như hoà giải đoàn tụ nhưng anh V không ký vào các biên bản. Anh V không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp, thể hiện việc anh V không muốn níu kéo hạnh phúc gia đình với chị D. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Do cháu Vũ Đức K sinh ngày 08/7/2019 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi lại đang ở với chị D nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Đức K cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị D nhưng anh V được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng: Chị Ngô Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Quốc V có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 11/5/2021 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST - HNGĐ và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 09/6/2021. Anh V đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 23/6/2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không chăm lo cho gia đình, không chịu tập trung làm để phụ giúp kinh tế gia đình, nuôi con mà chỉ ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống. Mâu thuẫn của anh chị trầm trọng vào tháng 01 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cuộc sống của ai người đó lo và không ai còn quan tâm tới ai. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn cũng đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được và đến nay chị D vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh V.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh V lên để lấy lời khai và hoà giải cho anh chị về đoàn tụ gia đình. Anh V có mặt tại Tòa để làm việc nhưng sau đó không ký vào các biên bản. Anh V có quan điểm vẫn còn tình cảm với chị D và không muốn ly hôn chị, muốn chị D cho anh thêm cơ hội để gia đình đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên trong suốt quá trình Tòa án làm việc anh V không đưa ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa anh V hai lần vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện anh V không có thiện chí đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình với chị D. Trong khi đó, chị D vẫn kiên quyết giữ quan điểm xin ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của

chị D cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Đức K, sinh ngày 08/7/2019. Hiện nay cháu K còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi lại đang ở với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Trong khi đó, anh V có quan điểm anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu K, tuy nhiên tại phiên xét xử anh V không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án không biết được quan điểm của anh về việc nuôi con chung. Bản thân anh V không có việc làm, thu nhập không ổn định. Chị D trình bày hiện chị đang làm công nhân cho công ty giấy Ngọc Tề thu nhập 8.000.000đ/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu về mọi mặt Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Đức K, sinh ngày 08/7/2019 cho chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh V được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở

[4]. Về tài sản, công sức, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Ngô Thị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án:

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị **Ngô Thị D** được ly hôn với anh **Vũ Quốc V**.

- **Về con chung:** Giao cháu Vũ Đức K, sinh ngày 08/7/2019 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị D nhưng được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Ngô Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000712 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đăng Khuê